



BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 01 - NĂM 2021

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI – BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THI TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

MỤC LỤC

1. Tăng trưởng GDP.....	3
2. Lạm phát, CPI.....	5
3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.....	6
4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.....	6
5. Sản xuất công nghiệp.....	9
6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.....	11
7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	12
8. Đầu tư.....	14
9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.....	15
10. Vận tải hành khách và hàng hóa.....	16
11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.....	16

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Tổng quan trong tháng 1/2021, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,06% so với tháng trước và giảm 0,97% so với cùng kỳ.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 1/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 53,9 tỷ USD, tăng 45,2% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 27 tỷ USD, tăng 46,7%; nhập khẩu hàng hóa đạt 26,9 tỷ USD, tăng 43,7%; Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu đạt 100 triệu USD.

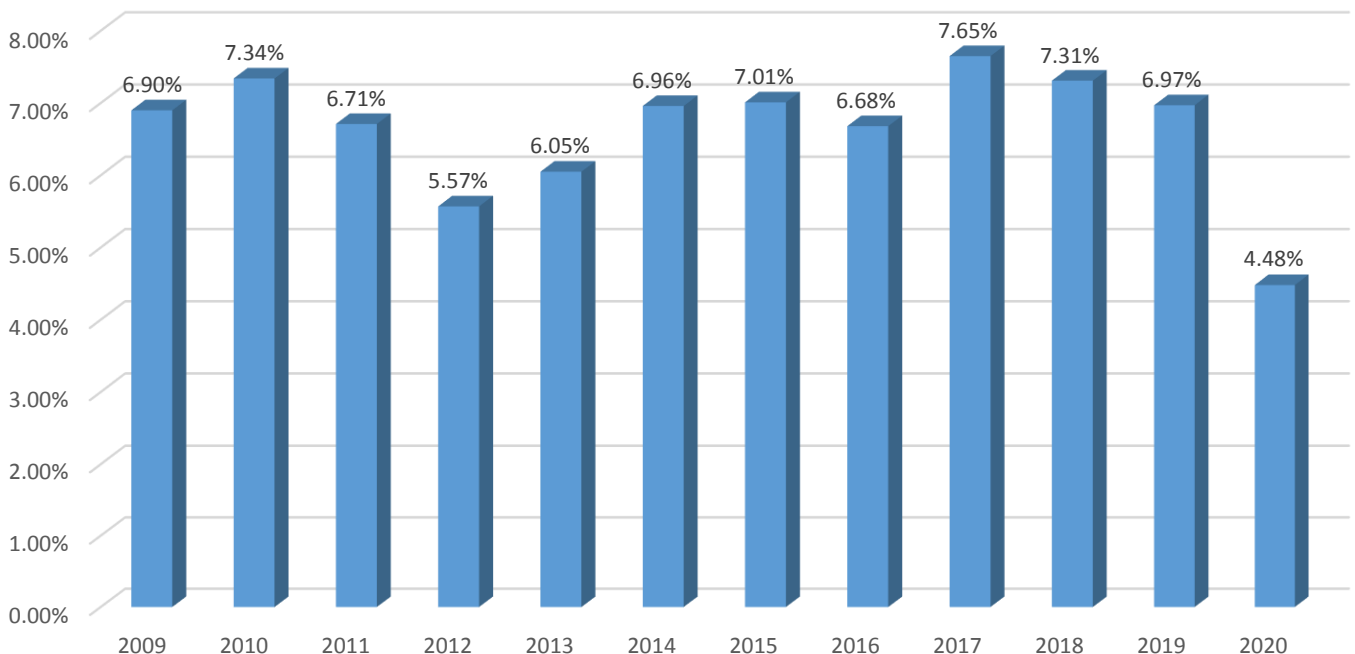
Về sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên cả nước và thu hoạch cây vụ đông ở miền Bắc. Ngành thủy sản đạt sản lượng khai thác khá do thời tiết, ngư trường thuận lợi, người dân tích cực bám biển trong tháng cận Tết...

Bên cạnh đó, sản xuất công nghiệp tiếp tục khởi sắc, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2021 ước tính tăng cao 22,2% so với tháng 1/2020, trong đó ngành Chế biến, chế tạo tăng 27,2%. Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiêu dùng tăng, các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng nhằm kích cầu, thu hút tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 1/2021 có nhiều khởi sắc, khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Trong khi đó, tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp tăng 10,5% so với tháng 1/2020.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 01 - NĂM 2021**Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 01 tháng đầu năm 2021****1. Tăng trưởng GDP.**

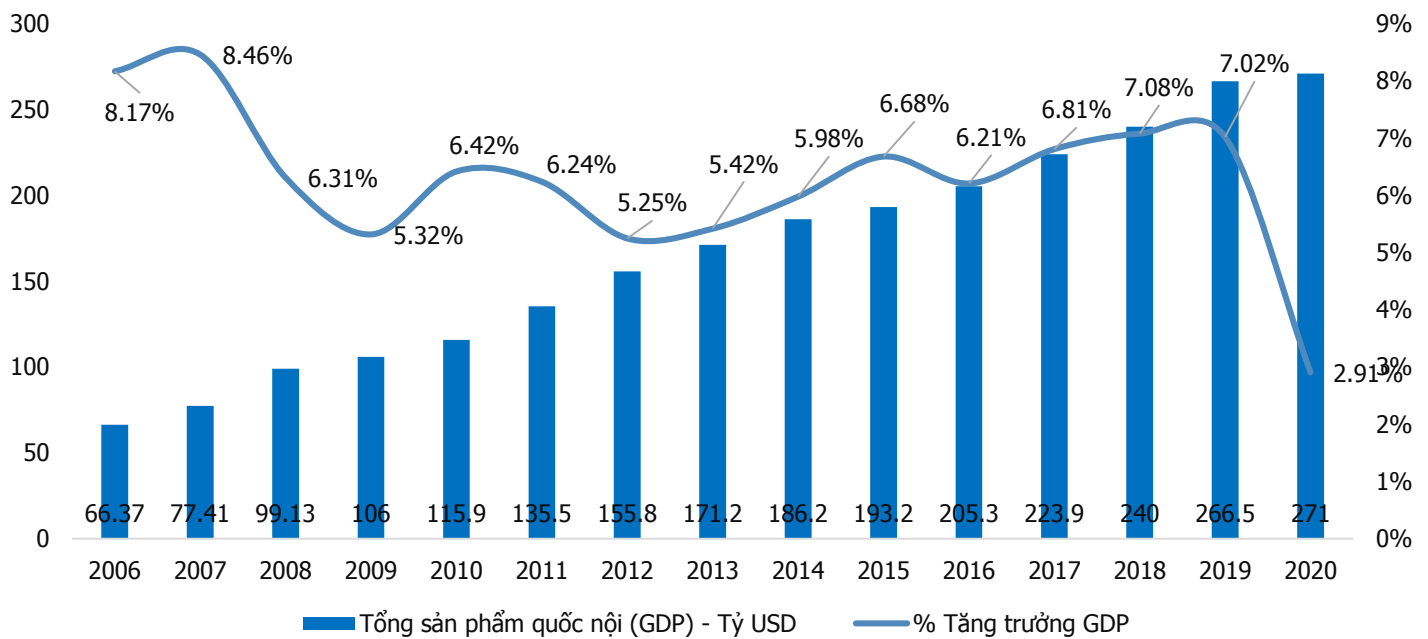
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã tạo động lực cho nền kinh tế nên GDP quý IV/2020 tăng trưởng khởi sắc so với quý III/2020, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%; khu vực dịch vụ tăng 4,29%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07%. Về sử dụng GDP quý IV/2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,48% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 5,29%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,25%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,83%.

% Tăng trưởng GDP - Q4 giai đoạn 2009-2020

GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

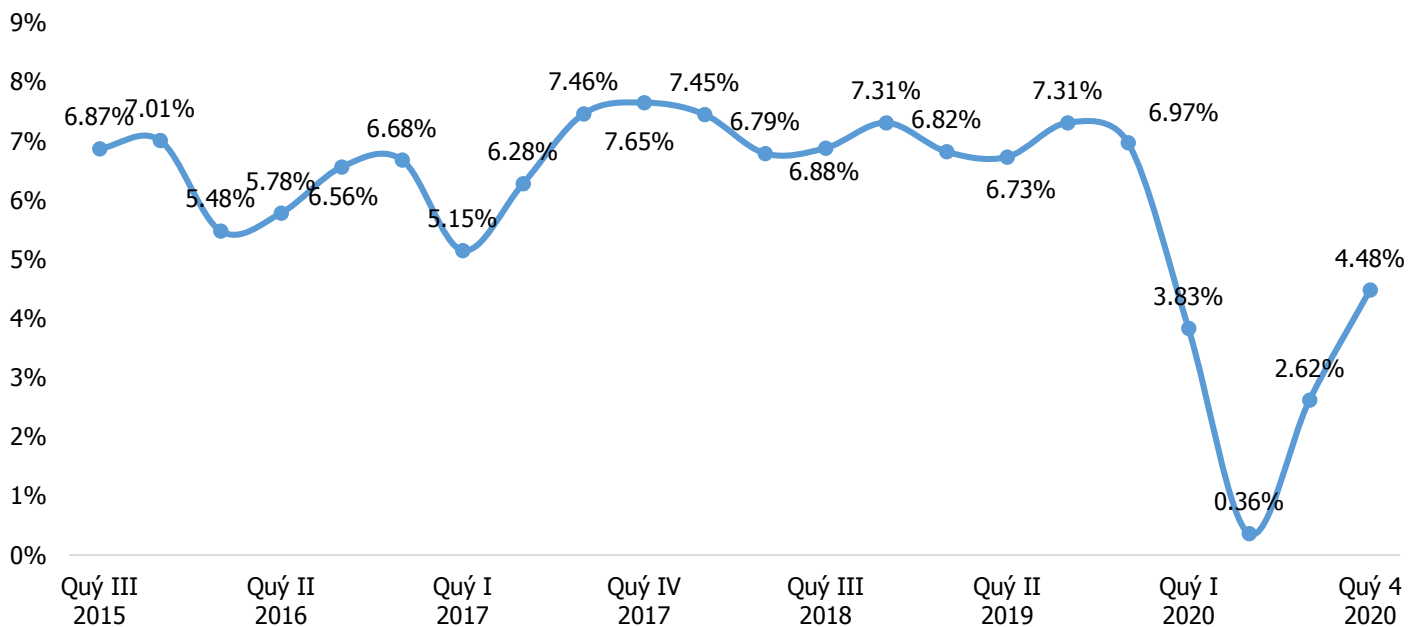


Tăng trưởng GDP & Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Tỷ USD)



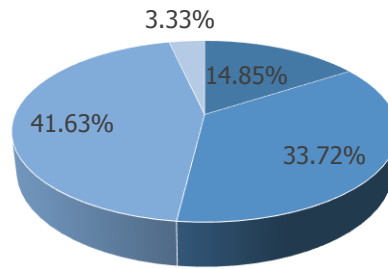
Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

% GDP hàng quý



Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%; 9,91%). Về sử dụng GDP năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,06% so với năm 2019; tích lũy tài sản tăng 4,12%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,97%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,33%.

Cơ cấu tỷ trọng GDP năm 2020



■ Nông lâm, nghiệp, thủy sản ■ Công nghiệp, xây dựng ■ Dịch vụ ■ Thuế sản phẩm

Chất lượng tăng trưởng kinh tế:

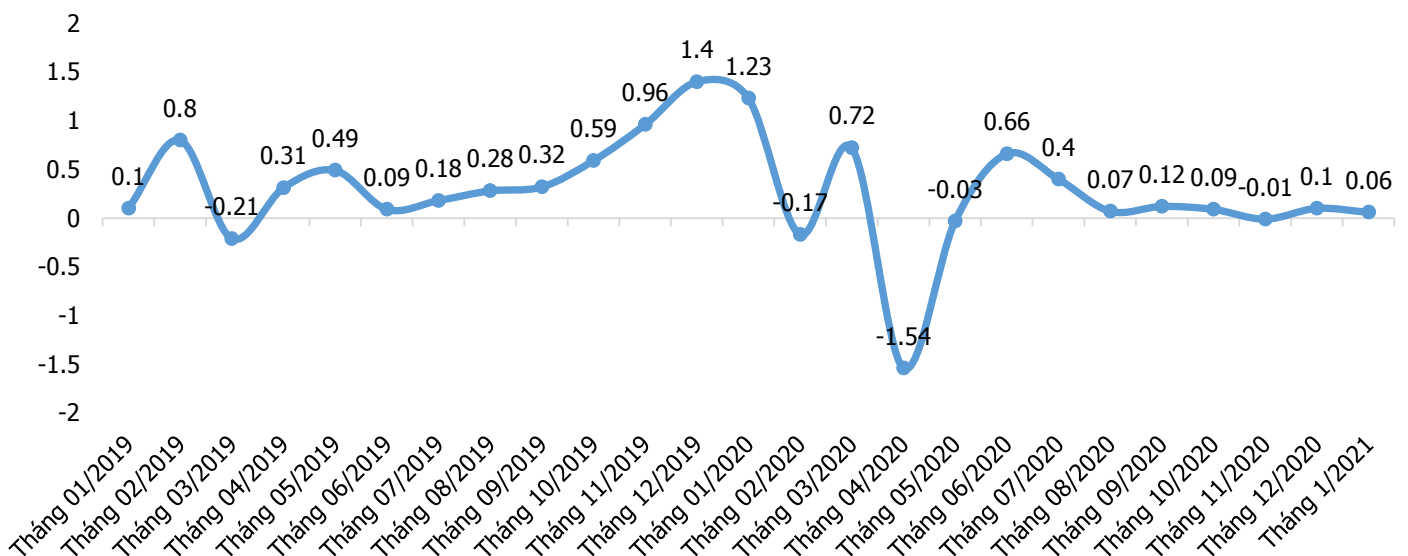
Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019).

Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,98 năm 2018 và 6,08 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2019, hệ số ICOR đạt 6,13, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực nên ICOR năm 2020 đạt 14,28; bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04.

2. Lạm phát, CPI.

Tháng 01/2021 là tháng giáp Tết Nguyên đán Tân Sửu nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao. Giá lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình tăng; giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2021 tăng 0,06% so với tháng 12/2020 và giảm 0,97% so với cùng kỳ năm trước.

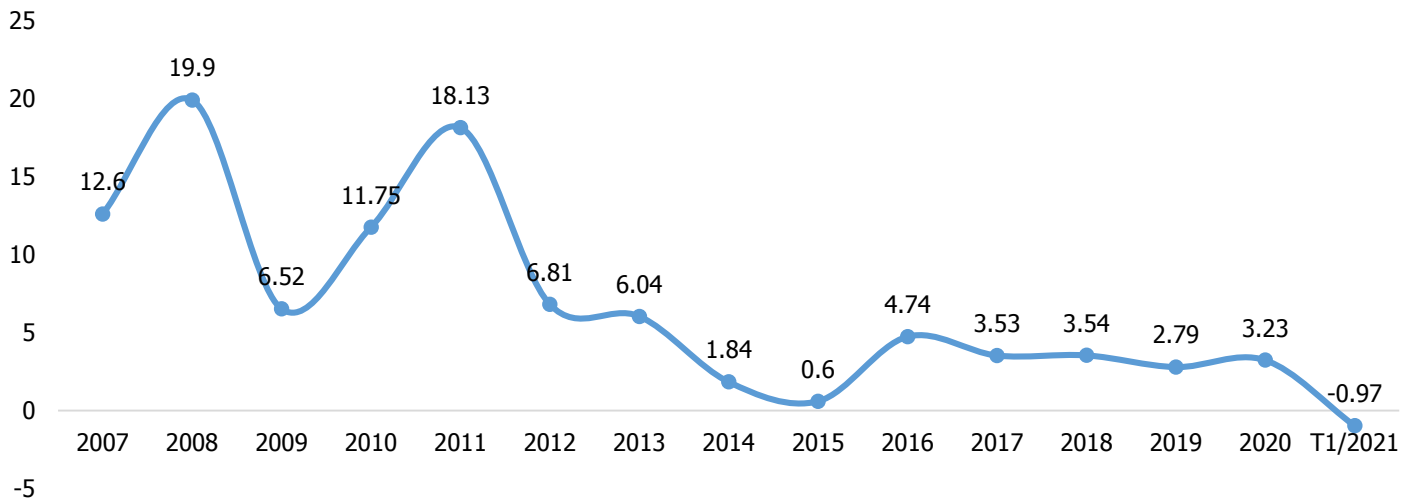
Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)





Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2021 tăng 0,06% so với tháng 12/2020 và giảm 0,97% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 01/2021 tăng 0,27% so với tháng 12/2020 và tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước.

% CPI theo Năm



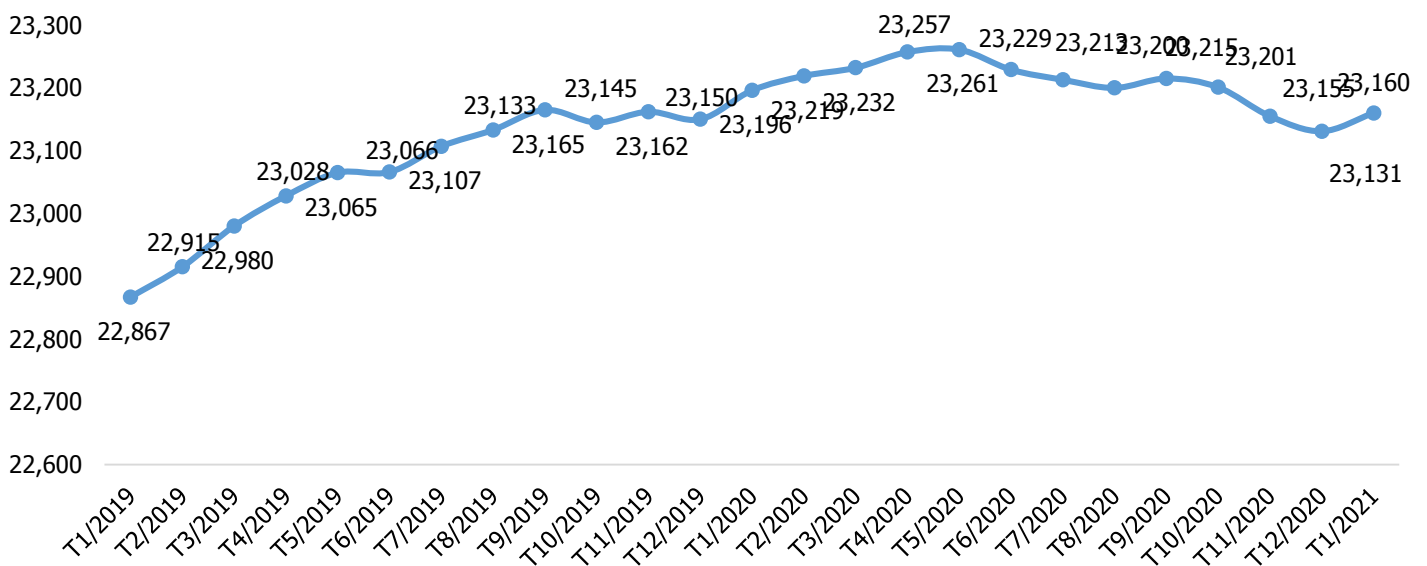
Giá vàng trong nước tăng theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tháng 01/2021 tăng 2,17% so với tháng trước và tăng 28,19% so với cùng kỳ năm 2020. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2021 giảm 0,16% so với tháng 12/2020 và giảm 0,27% so với cùng kỳ năm 2020.

3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.

Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.160 đồng/USD trong ngày làm việc cuối cùng tháng 1 (30/01/2021), tăng 29 đồng so với tháng 12/2020, tương ứng với mức tăng 0,13%.

Giá USD giao dịch tự do niêm yết ở mức 23.048 VND/USD trong ngày 29/01/2021, giảm 32 đồng so với tháng trước, tương ứng với mức giảm 0,14%.

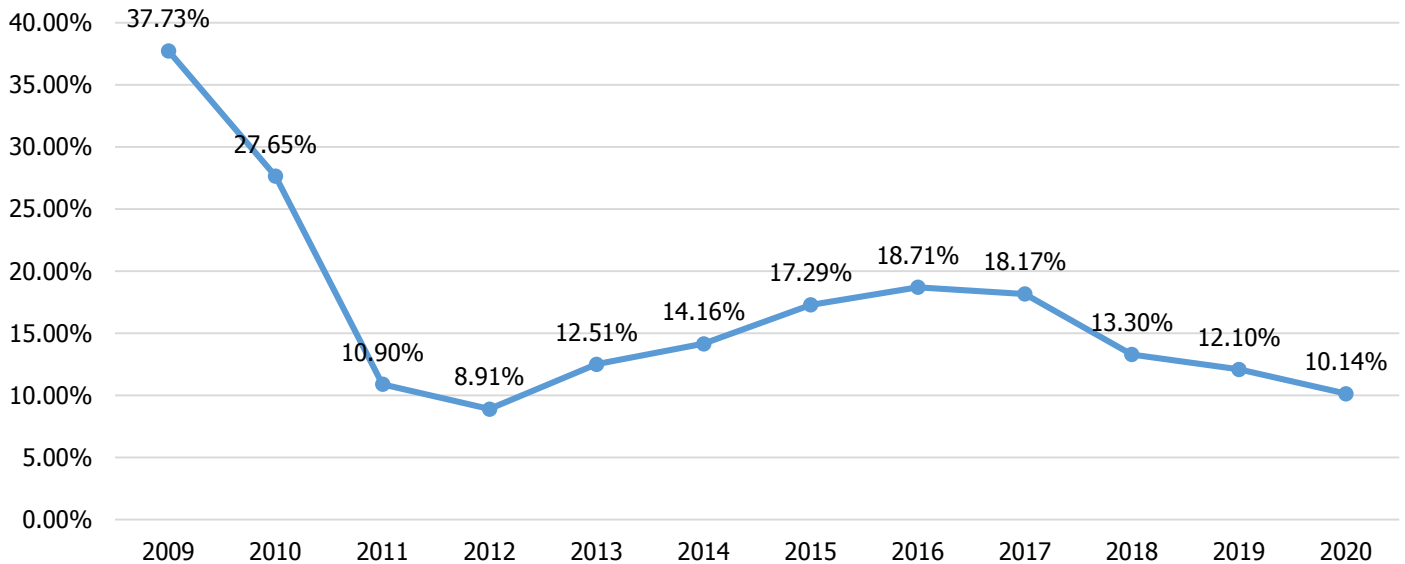
Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND





Tính đến thời điểm 21/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

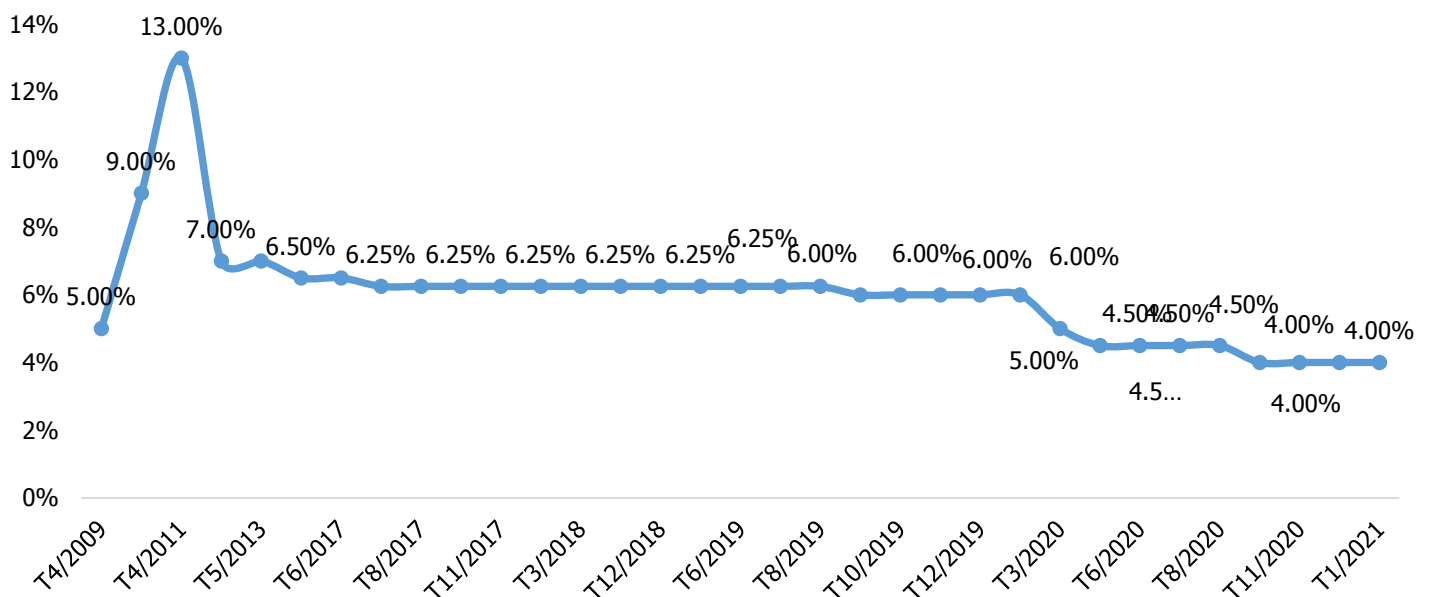
% Tăng trưởng tín dụng



Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý IV/2020 ước tính tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính cả năm 2020 doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 17% so với năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 21%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 7%.

Tính chung từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã 3 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với tổng mức giảm tới 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành (là một trong các ngân hàng trung ương có mức cắt giảm lãi suất điều hành lớn nhất trong khu vực); giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên.

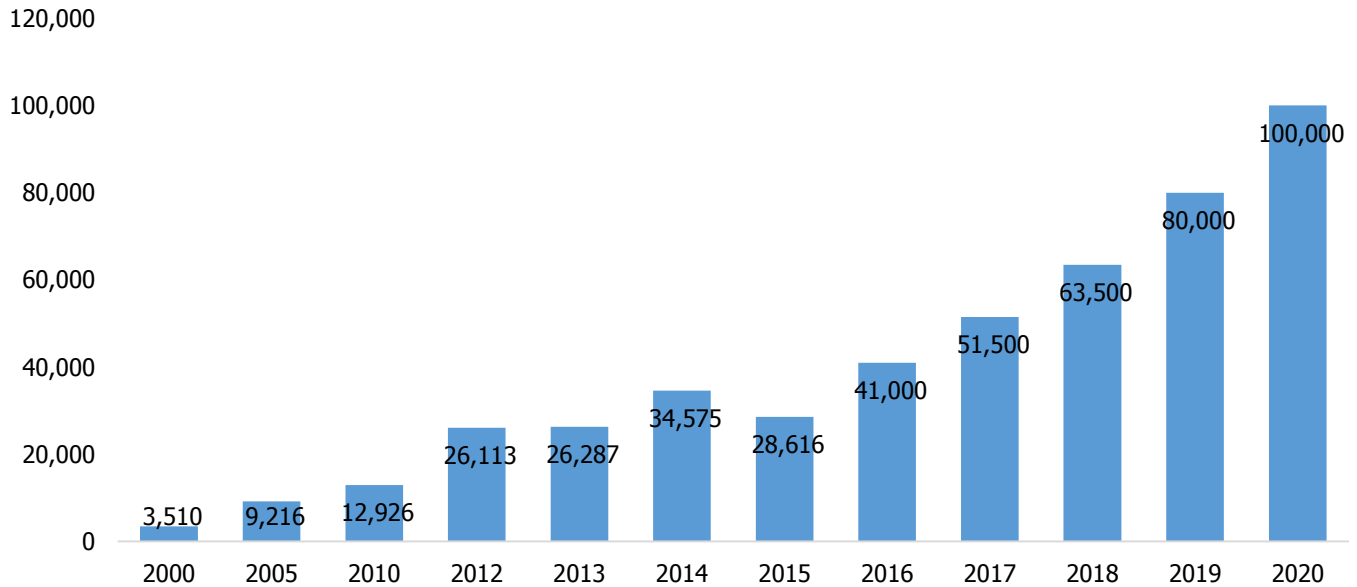
Lãi Suất Tái Cấp Vốn



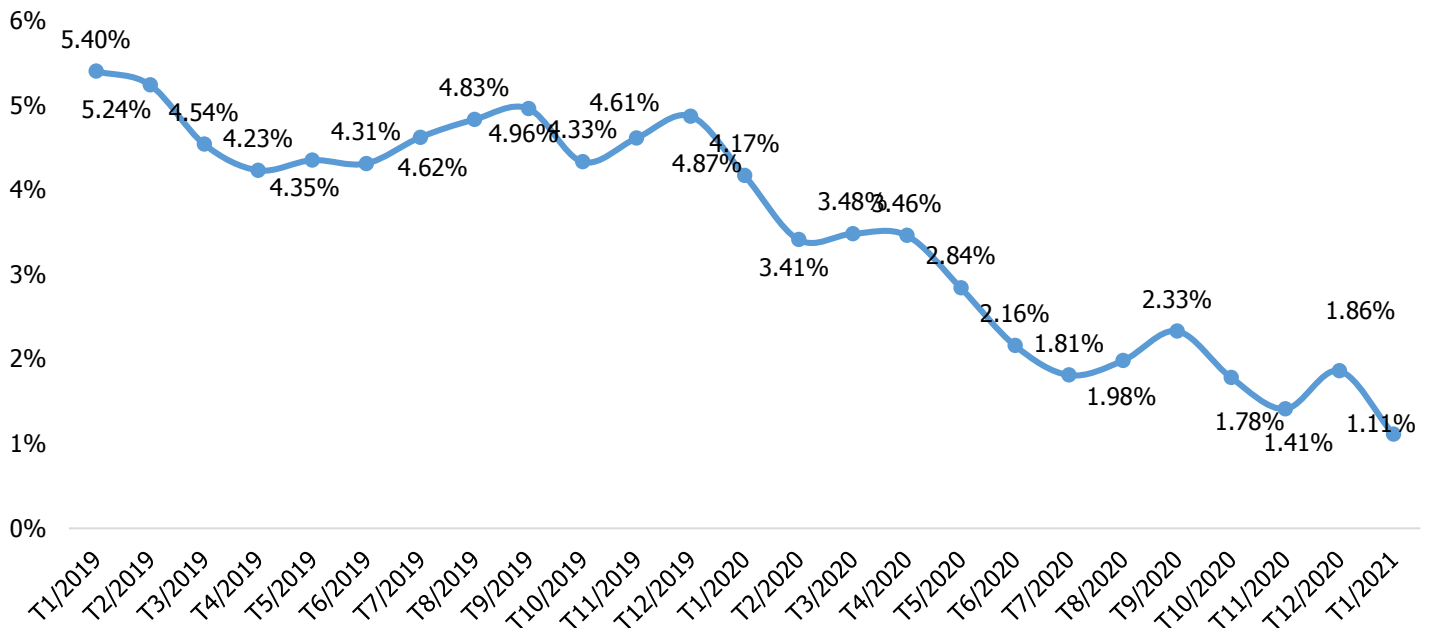


Năm 2020 Việt Nam đã mua lượng lớn ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối, nhưng NHNN đã điều tiết tốt lượng tiền trong lưu thông, không gây tác động lên lạm phát. Việc điều hành chính sách tiền tệ được thực hiện rất nhất quán và giữ được nền tảng ổn định cho nền kinh tế.

Dự Trữ Ngoại Hối (Triệu USD)



Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 1/2021, nhìn chung các chỉ số chứng khoán trên HOSE có sự điều chỉnh giảm: Chỉ số VN Index đạt 1.056,61 điểm, giảm 4,28%; VNAllshare đạt 1.014,95 điểm, giảm 1,69%; VN30 đạt 1.048,31 điểm, giảm 2,1% so với cuối tháng 12/2020.

Tuy nhiên, thanh khoản thị trường tăng trưởng ấn tượng so với tháng 12/2020. Trong tháng 1/2021 thị trường tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư khi tổng khối lượng giao dịch đạt 14,78 tỷ cổ phiếu, giá trị giao dịch đạt 335,9 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 8,71% và 17,37% so với tháng trước.

4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên cả nước và thu hoạch cây vụ đông ở miền Bắc. Chăn nuôi lợn tiếp tục đà phục hồi, chăn nuôi gia cầm phát triển tốt. Sản xuất lâm nghiệp tập trung chuẩn bị mặt bằng, ươm và chăm sóc cây giống phục vụ Tết trồng cây xuân Tân Sửu. Ngành thủy sản đạt sản lượng khai thác khá do thời tiết ngư trường thuận lợi, người dân tích cực bám biển trong tháng cận Tết.

Nông nghiệp:

Tính đến thời điểm 15/01/2021, cả nước gieo cấy được 1.826,9 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 92,9% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 62,2 nghìn ha, bằng 55,4%; các địa phương phía Nam đạt 1.764,7 nghìn ha, bằng 95,2%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.434,8 nghìn ha, bằng 94,6%.

Thời tiết rét đậm, rét hại trong tháng Một đã ảnh hưởng đến chăn nuôi trâu, bò. Chăn nuôi lợn tiếp tục đà phục hồi, chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, bảo đảm nguồn cung đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu. Ước tính tháng Một, tổng số bò cả nước tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số trâu giảm 2,7%; tổng số lợn tăng 16,2%; tổng số gia cầm tăng 6,5%.

Lâm Nghiệp:

Trong tháng Một, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 6,9 nghìn ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 3,7 triệu cây, giảm 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 900 nghìn m³, tăng 3,1%; sản lượng củi khai thác đạt 1,5 triệu ste, giảm 1,3%. Trong tháng Một (16/12/2020-15/01/2021), diện tích rừng bị thiệt hại là 114,8 ha, cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 chỉ thiệt hại 6 ha).

Thủy sản:

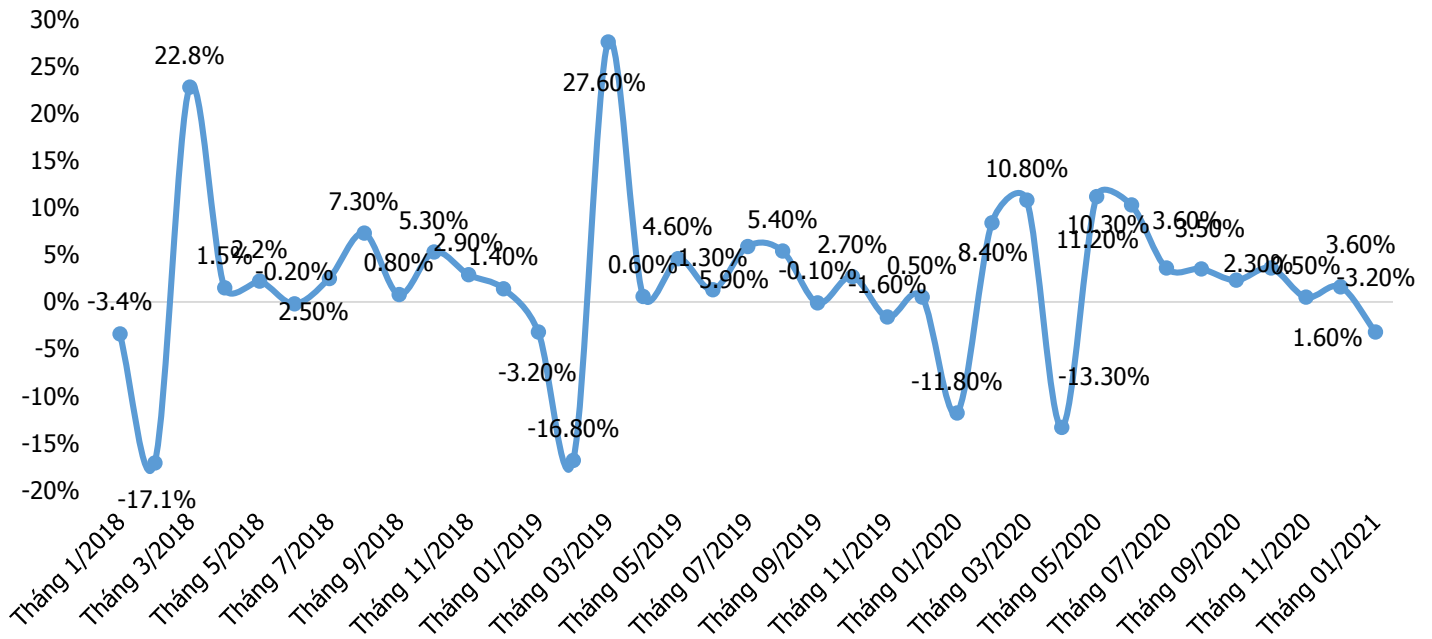
Sản lượng thủy sản tháng 01/2021 ước tính đạt 497,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 252,5 nghìn tấn, tăng 1%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 245,4 nghìn tấn, tăng 2,5%, trong đó sản lượng thủy sản khai thác biển ước tính đạt 232,3 nghìn tấn, tăng 2,7%.

5. Sản xuất công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục khởi sắc khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, thêm vào đó số ngày làm việc của tháng Một năm nay nhiều hơn năm trước nên chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2021 ước tính tăng cao 22,2% so với tháng 01/2020, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%.

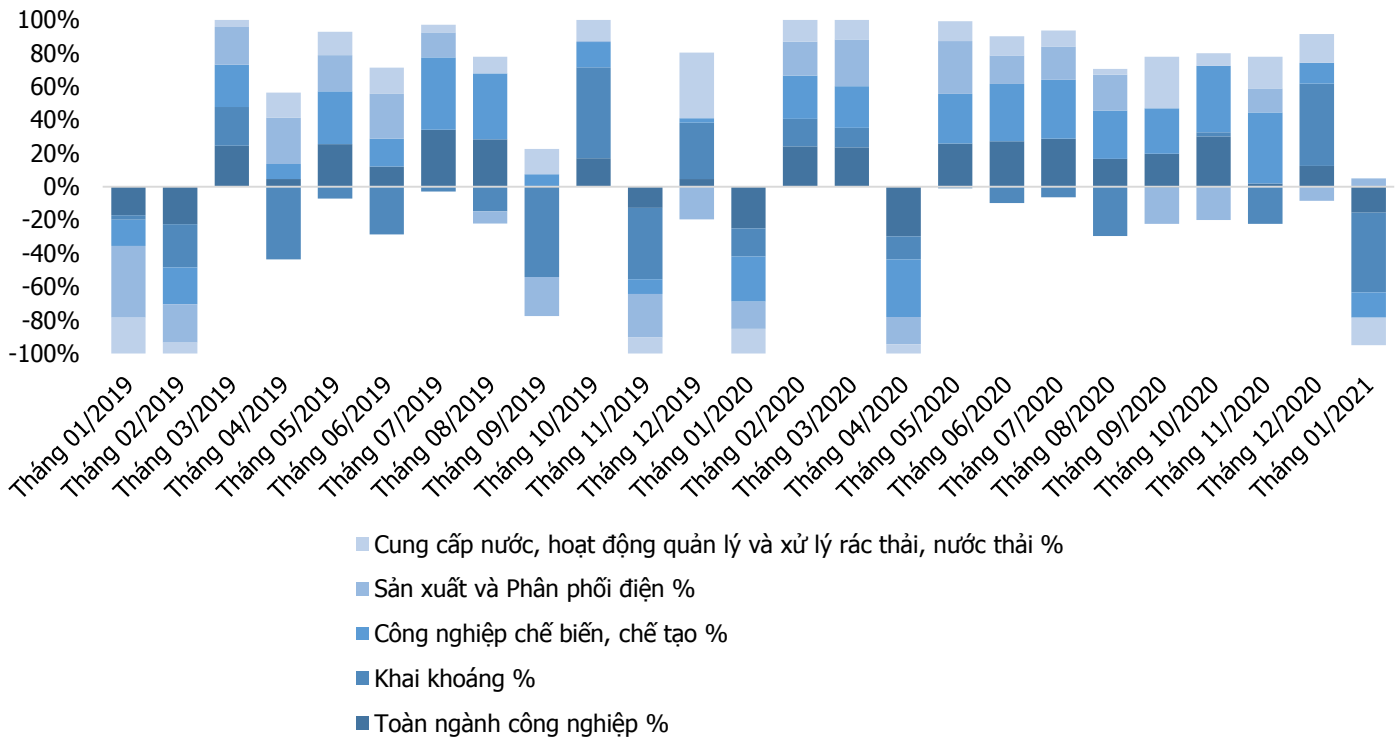


Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2021 giảm 3,2% so với tháng trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo giảm 3,1%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,0%, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 3,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm và ngành khai khoáng giảm 9,8%.

Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp

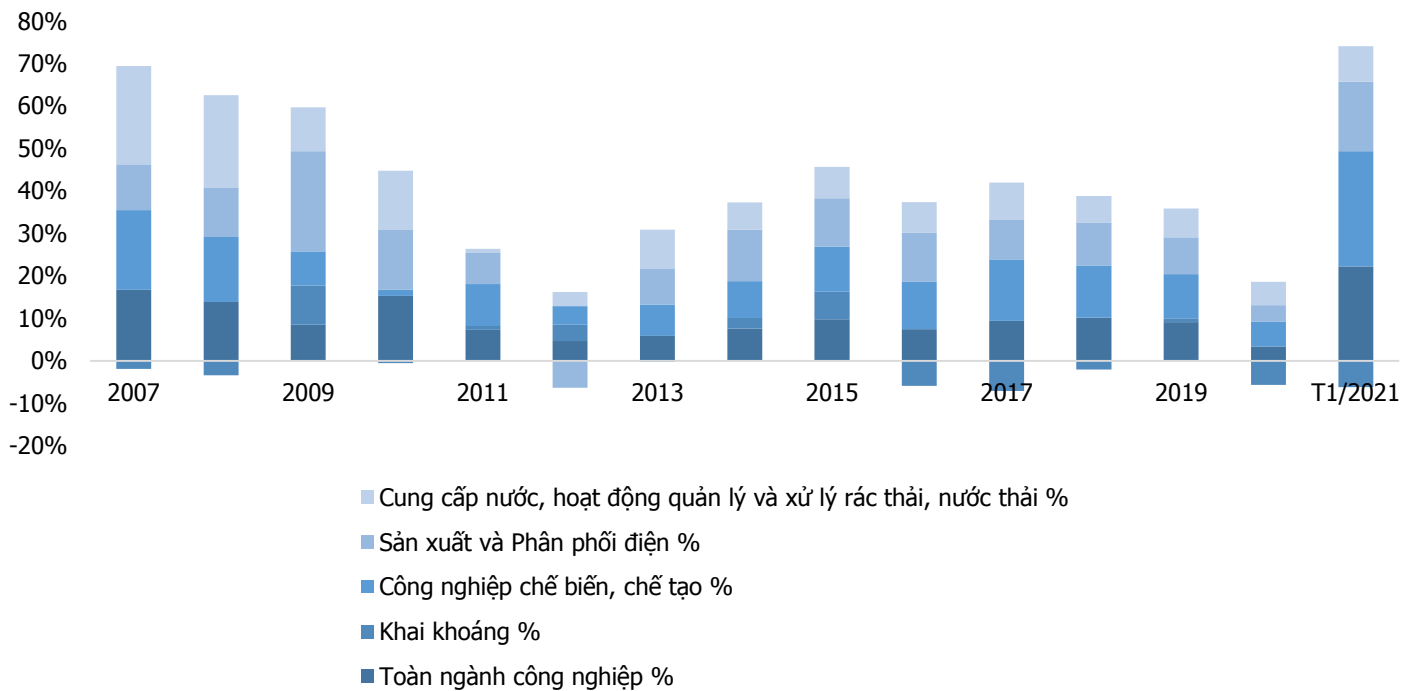


So với cùng kỳ, Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2021 tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%, đóng góp 21,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16,3%, đóng góp 1,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp



nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm.

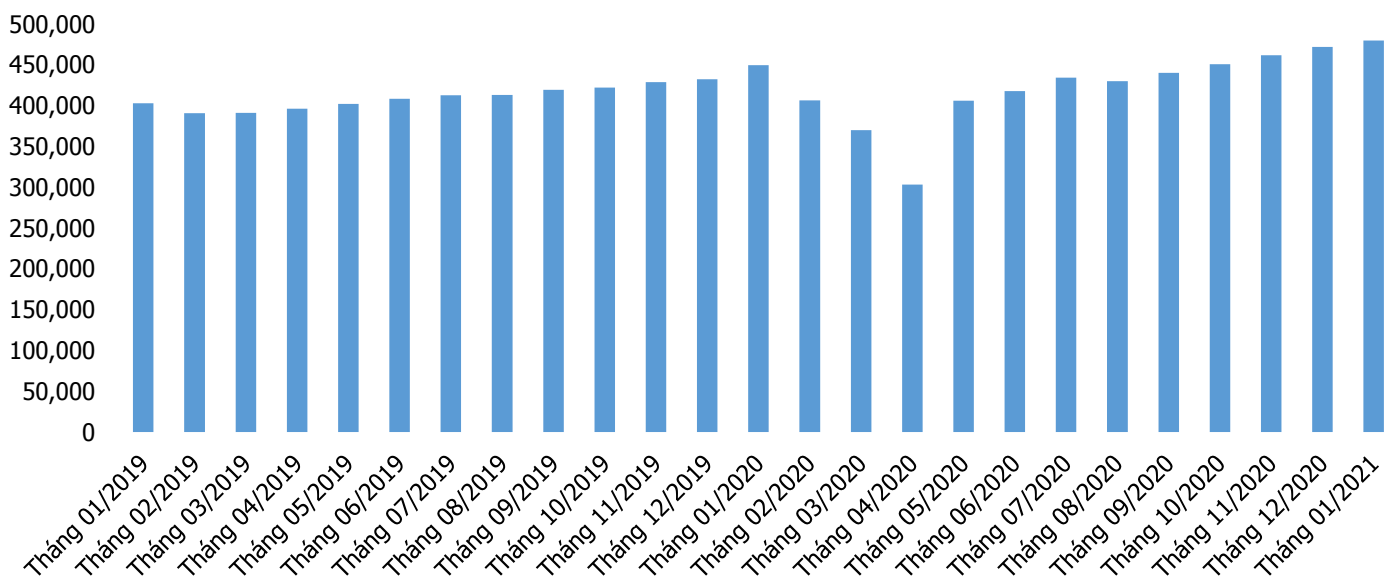
Chỉ số công nghiệp theo năm



6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 8%).

Doanh số bán lẻ hàng tháng

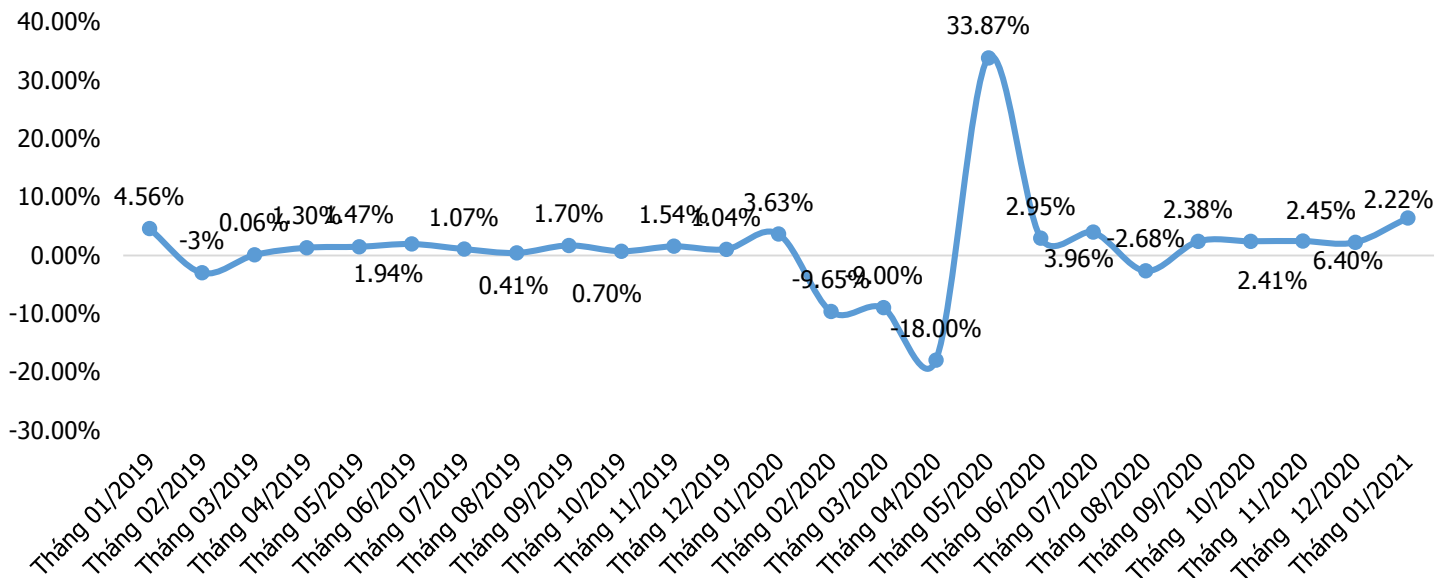


Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

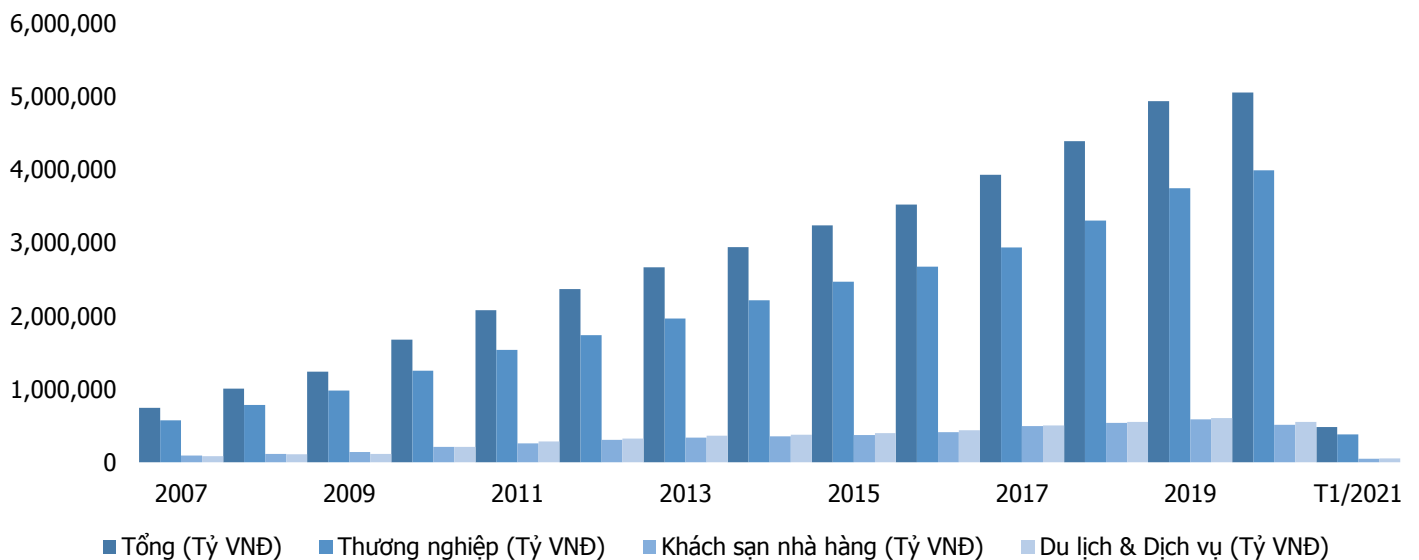


Cụ thể, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 378,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 48,7 nghìn tỷ đồng, giảm 4,1%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, giảm 62,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 50,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng



Bán lẻ Theo năm



7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Tháng 01/2021 là thời điểm trước Tết Nguyên đán nên hoạt động thương mại trong nước, vận tải và du lịch tăng so với tháng trước. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Samsung đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm điện thoại di động phiên bản mới S21 và do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm trước rơi vào tháng Một.



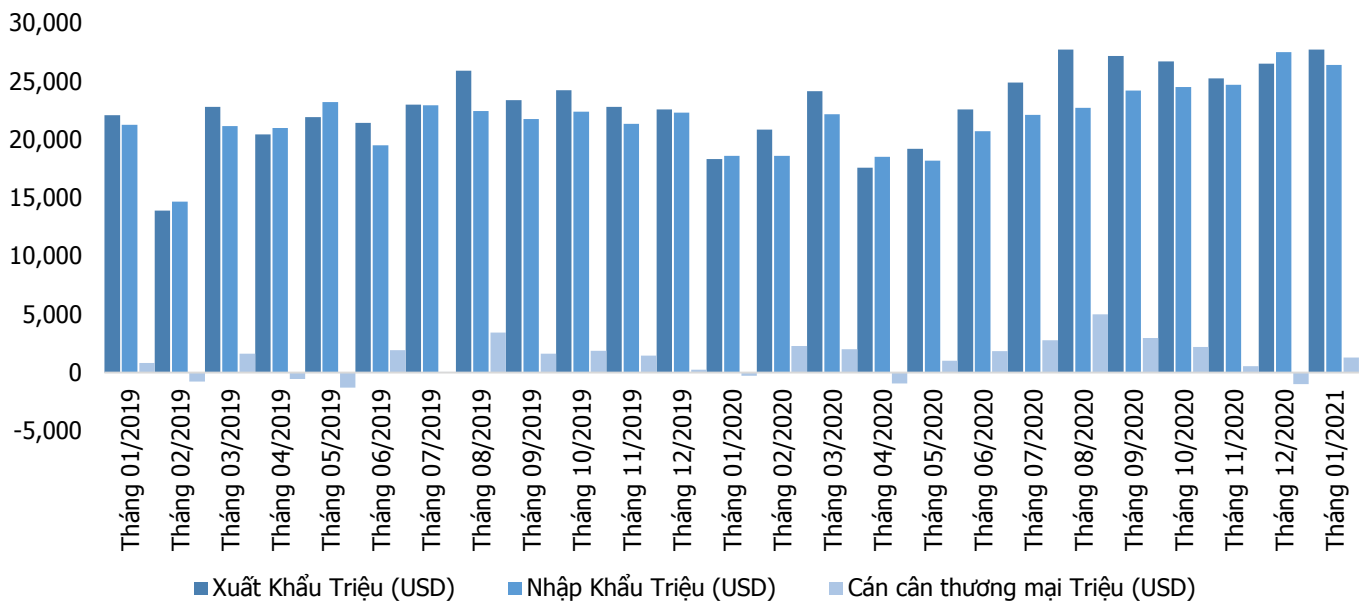
Xuất khẩu hàng hóa:

Ước tính tháng 01/2021 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 27,7 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 50,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng Một có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 67,3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

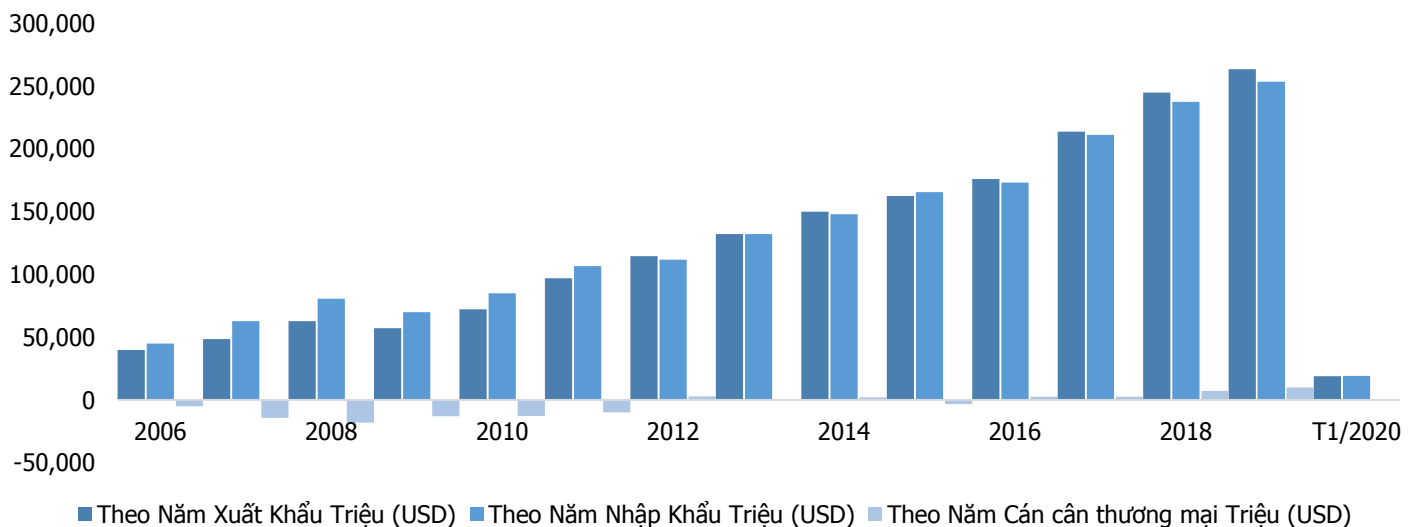
Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng Một, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 15,6 tỷ USD, tăng mạnh 71,6% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 9,7 tỷ USD, tăng 32,3%. Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 1,8 tỷ USD, tăng 21,4%. Nhóm hàng thủy sản đạt 600 triệu USD, tăng 19,6%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 7,5 tỷ USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 5,8 tỷ USD, tăng 111,6%; thị trường EU đạt 2,8 tỷ USD, tăng 14,8%; thị trường ASEAN đạt 2,3 tỷ USD, tăng 31,9%; Nhật Bản đạt 1,9 tỷ USD, tăng 22,7%; Hàn Quốc đạt 1,7 tỷ USD, tăng 24,2%.

Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại





Nhập khẩu hàng hóa:

Ước tính tháng 01/2021 kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 26,4 tỷ USD, giảm 5,4% so với tháng trước và tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng Một có 4 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 50,6% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về cơ cấu nhập khẩu hàng hóa tháng Một, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 24,7 tỷ USD, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,7% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 1,7 tỷ USD, tăng 41,5% và chiếm 6,3%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 9,6 tỷ USD, tăng 72,7% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 5,1 tỷ USD, tăng 29,3%; thị trường ASEAN đạt 3,4 tỷ USD, tăng 63,3%; Nhật Bản đạt 2 tỷ USD, tăng 52,9%; thị trường EU đạt 1,3 tỷ USD, tăng 23,3%; Hoa Kỳ đạt 1 tỷ USD, tăng 4,2%.

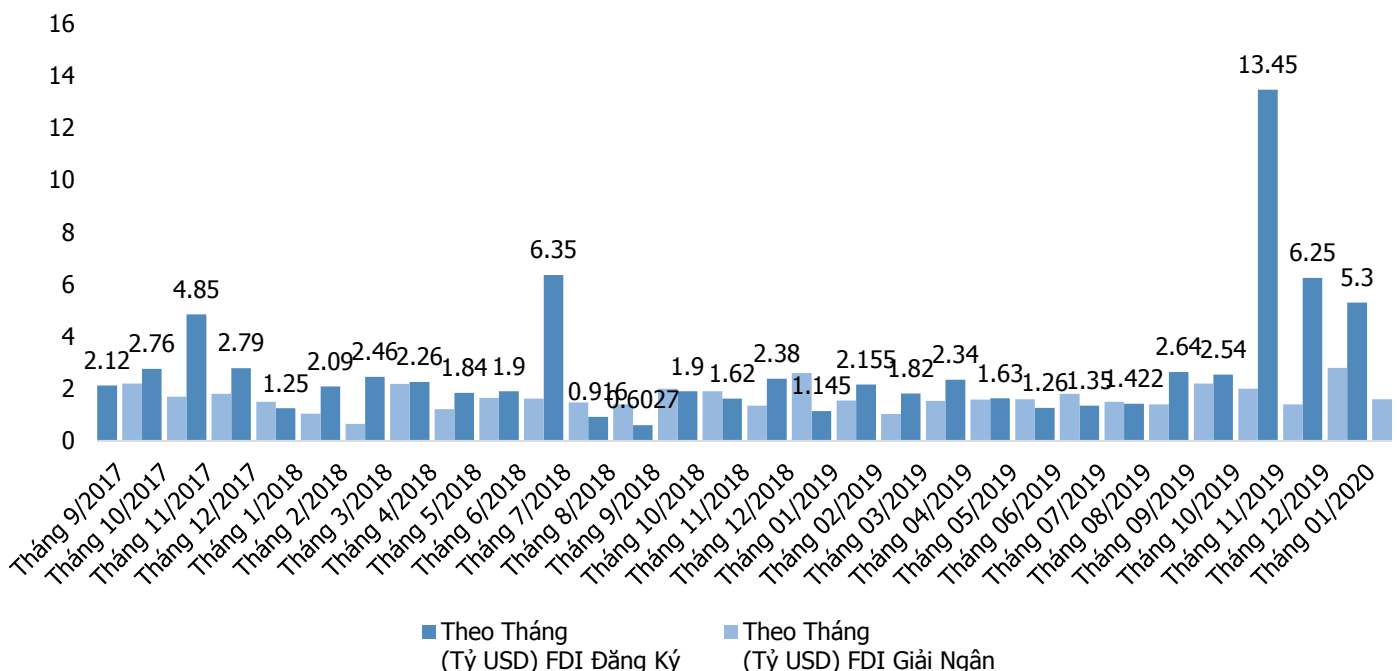
Cán cân thương mại:

Ước tính tháng 01/2021 xuất siêu 1,3 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,1 tỷ USD.

8. Vốn đầu tư nước ngoài.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 2 tỷ USD, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020.

FDI Tháng

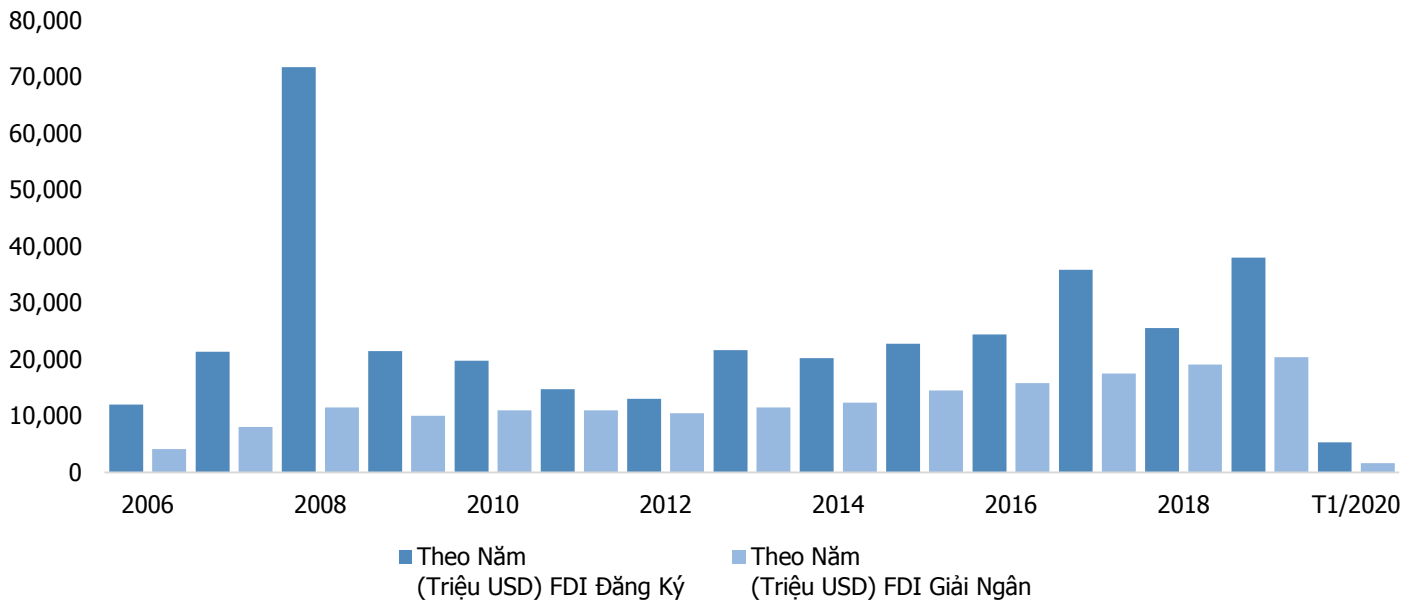


Cụ thể, có 47 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 1,3 tỷ USD, giảm 81,8% về số dự án và giảm 70,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; 46 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 0,5 tỷ USD, tăng 41,4%; 194 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 0,2 tỷ USD, giảm 58,7%.



Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần có 52 lượt làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp 0,13 tỷ USD và 142 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 0,09 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tháng Một ước tính đạt 1,5 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

FDI hàng năm



Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng Một năm nay có 1 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam sang Trung Quốc vào ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 3,2 triệu USD, không có lượt dự án điều chỉnh vốn, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2020.

9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 01/2021 có nhiều khởi sắc khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với tháng 01/2020.

Trong tháng 01/2021, cả nước có gần 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 155,1 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 115,9 nghìn lao động, tăng 21,9% về số doanh nghiệp, tăng 25,9% về vốn đăng ký và tăng 37,2% về số lao động so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 15,4 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 240 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 4.015 doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 6.503 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2021 lên 16.594 doanh nghiệp, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng Một năm nay có 25.752 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: 18.055 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 54,3%; 5.602 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 0,8%; 2.095 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 29,2%

10. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng 01/2021 ước tính đạt 415,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 17,7 tỷ lượt hành khách.km, giảm 25,4%. Vận tải hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 169,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,5 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 01/2021 ước tính đạt 17.736 lượt người, tăng 9% so với tháng trước và giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 11.118 lượt người, giảm 99,3%; khách đến bằng đường bộ đạt 6.575 lượt người, giảm 97,8%; khách đến bằng đường biển chỉ đạt 43 lượt người, giảm 99,9%.

**TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 01 NĂM 2021.**

Tổng quan trong tháng 1/2021, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,06% so với tháng trước và giảm 0,97% so với cùng kỳ.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 1/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 53,9 tỷ USD, tăng 45,2% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 27 tỷ USD, tăng 46,7%; nhập khẩu hàng hóa đạt 26,9 tỷ USD, tăng 43,7%; Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu đạt 100 triệu USD.

Về sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào gieo cấy, chăm sóc lúa đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên cả nước và thu hoạch cây vụ đông ở miền Bắc. Ngành thủy sản đạt sản lượng khai thác khá do thời tiết, ngư trường thuận lợi, người dân tích cực bám biển trong tháng cận Tết...

Bên cạnh đó, sản xuất công nghiệp tiếp tục khởi sắc, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2021 ước tính tăng cao 22,2% so với tháng 1/2020, trong đó ngành Chế biến, chế tạo tăng 27,2%. Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiêu dùng tăng, các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hóa dồi dào, phong phú, đa dạng nhằm kích cầu, thu hút tiêu dùng của người dân trong dịp Tết Nguyên đán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 1/2021 có nhiều khởi sắc, khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Trong khi đó, tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp tăng 10,5% so với tháng 1/2020.

Cụ thể với những điểm nhấn đáng chú ý trong tháng 01 năm 2021:

GDP: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020.

CPI, lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2021 tăng 0,06% so với tháng 12/2020 và giảm 0,97% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 01/2021 tăng 0,27% so với tháng 12/2020 và tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước.

Tín dụng, lãi suất: Tính đến thời điểm 21/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): Sản xuất công nghiệp tiếp tục khởi sắc khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, thêm vào đó số ngày làm việc của tháng Một năm nay nhiều hơn năm trước nên chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2021 ước tính tăng cao 22,2% so với tháng 01/2020, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%.

Cán cân thương mại: Ước tính tháng 01/2021 xuất siêu 1,3 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,1 tỷ USD.

Vốn FDI: Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 2 tỷ USD,



giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tháng Một ước tính đạt 1,5 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.

Đăng ký doanh nghiệp: Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 01/2021 có nhiều khởi sắc khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng cả về số lượng và vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với tháng 01/2020.

Tổng mức bán lẻ & du lịch: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 8%).

Vận tải hành khách và hàng hóa: Vận tải hành khách tháng 01/2021 ước tính đạt 415,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 17,7 tỷ lượt hành khách.km, giảm 25,4%. Vận tải hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 169,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,5 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

Khách quốc tế: Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 01/2021 ước tính đạt 17.736 lượt người, tăng 9% so với tháng trước và giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 11.118 lượt người, giảm 99,3%; khách đến bằng đường bộ đạt 6.575 lượt người, giảm 97,8%; khách đến bằng đường biển chỉ đạt 43 lượt người, giảm 99,9%.



LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và

Thị trường Chứng khoán

Email: khanglc@vncsi.com.vn

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế

Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>